TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:134/2023/DS-PT
Ngày: 15/3/2023
V/v tranh chấp: "Quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Ông **Trần Văn Đạt**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Mai Thị Đào Quyên** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 3 năm 2023 và ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 136/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 307/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Phi Y, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp F, xã B, thị xã G, Tiền Giang.

Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp F, xã B, thị xã G, Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1957 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện C, Long An.

2. Nguyễn Thị Lệ T1, sinh năm 1964 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: A H, phường C, thành phố M, Tiền Giang.

3. Nguyễn Thị Thẩm Thúy H1, sinh năm 1969 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: A N, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nguyễn Hoàng Phi A, sinh năm 1978 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: A H, phường C, thành phố M, Tiền Giang.

5. Nguyễn Thị Tuyết A1, sinh năm 1981 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: A N, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Nguyễn Thị Băng Tuyết T2, sinh năm 1976 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: 3 ấp T, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

7. Nguyễn Duy K, sinh năm 1980 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp F, xã B, thị xã G, Tiền Giang.

8. Ủy ban nhân dân thị xã G.

Đại diện theo pháp luật: Ông Giản Bá H2 - Chủ tịch (Xin vắng mặt).

Địa chỉ:A T, khu phố B, phường B, thị xã G.

9. Nguyễn Thị N, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp F, xã B, thị xã G, Tiền Giang.

10. Nguyễn Đắc T3, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp F, xã B, thị xã G, Tiền Giang.

11. Nguyễn Thúy V, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp F, xã B, thị xã G, Tiền Giang.

12. Nguyễn Anh T4, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp E A, xã P, C, Tiền Giang.

Các đương sự Nguyễn Đắc T3, Nguyễn Thúy V, Nguyễn Thị N, Nguyễn Anh T4 ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T.

Theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 11 năm 2021.

13. Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn T.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phi Y trình bày: Cha bà là ông Nguyễn Văn Đ, chết năm 2017 và mẹ là bà Võ Thị P, chết năm 1991. Năm 1997, ông Đ đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất.

Năm 2012, ông Đ tặng cho bà quyền sử dụng đất số CH00903 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 16 tháng 10 năm 2012;

Sau khi ông Đ chết, bà tặng lại thửa 918 cho em bà là chị T1, bà tiến hành san lắp thửa 918 là đất lúa thành đất nền như hiện nay thì phát hiện thửa 918 và một phần thửa 919 của bà bị ông T chiếm lấy và mới phát hiện ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 918.

Khi Ủy ban nhân dân xã B hòa giải thì ông T thừa nhận thửa 918 là của ba ông T mua của ông Đ nên ông T mới được đứng tên quyền sử dụng đất.

Do đất của ông Đ nhiều thửa nên khi cấp giấy gia đình bà nghĩ là đã cấp thửa 918 cho ông Đ vì thửa này giáp thửa 919.

Đất thửa 918 là của ông Đ cho nhà ông T ở tạm. Mục kê 299 là ông Đ đứng tên chứ ông phải ông T hay là ba ông T hay là của bà Nguyễn Thị X như lời ông T trình bày.

Nay yêu cầu hộ ông T có nghĩa vụ trả lại cho bà toàn bộ thửa 918 với diện tích theo sơ đồ đo đạc và 01 phần thửa 919 diện tích 347,3m^2. Bà sẽ hỗ trợ ông T số tiền 50.000.000 đồng trong đó có giá trị 02 cây me;

Bị đơn Ông Nguyễn Văn T trình bày: Trước năm 1975, cha ông có sang nhượng của ông Đ phần đất khoảng 300m^2 ở ấp F, xã B và sau đó mua thêm của bà Nguyễn Thị X 488m^2.

Ông có xây nhà để ở, năm 1999 vì hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn nên bỏ đất, tháo dỡ nhà đi nơi khác sinh sống. Trong thời gian bỏ đi thì bà Y cho san lắp mặt bằng lên nền như hiện nay nhưng không ý kiến phản đối gì.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Y, ông không đồng ý vì đất này của ông đã được cấp giấy chứng nhận hợp lệ.

Nếu bà Y muốn ông trả đất thì bà Y phải giao cho ông số tiền 1.000.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Tuyết H, chị Lệ T1, Thúy H1, anh Phi A, chị T2, anh K là trình bày: Thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà Y.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà N, anh T3, chị V, anh T4, chị L trình bày: Thống nhất theo ý kiến của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Quan Ủy ban nhân dân thị xã G: Ủy ban không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 136/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang Căn cứ các Điều 26, 35, 92, 147, 157, 158, 165, 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 4, 9, 10, 11, 49, 50 Luật đất đai năm 2003; khoản 24 Điều 3; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phi Y:

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Đắc T3, chị Nguyễn Thúy V, anh Nguyễn Anh T4, chị Nguyễn Thị Thúy L cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Phi Y phần đất diện tích 1.135,3m^2. Gồm:

- Thửa đất 918, tờ bản đồ số BX-C3, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00147/Ấp 6. QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G,tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17 tháng 10 năm 1997 cho hộ ông Nguyễn Văn T đứng tên. Đất BHK Diện tích 788m^2.

Vị trí:

+ Đông giáp đất Phạm Hữu T5 số đo 3,75m và 18,47m;

+ Tây giáp đất Tạ Văn Ú số đo 32,68m;

+ Nam giáp đất Võ Minh T6 số đo 10m; giáp đất Hồ Minh H3 số đo 9m; giáp đất Hồ Thị Kim L1 số đo 9,55m;

+ Bắc giáp thửa 919 của bà Nguyễn Thị Phi Y số đo 29,54m.

- 01 phần Thửa đất 919, tờ bản đồ số BX-C3, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00903. QSDĐ do Ủy ban nhân dân thị xã G, cấp ngày 16 tháng 10 năm 2012 cho bà Nguyễn Thị Phi Y. Đất LUC. Diện tích 347,3m^2. Vị trí:

+ Đông giáp đất Phạm Hữu T5 số đo 10,57m;

+ Tây giáp đất Tạ Văn Ú số đo 13,89m;

+ Nam giáp đất thửa 918 số đo 29,54m;

+ Bắc giáp rạch số đo 30,48m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Địa chỉ thửa đất: Ấp F, xã B, thị xã G, Tiền Giang.

Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00147/Ấp 6. QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17 tháng 10 năm 1997 cho hộ ông Nguyễn Văn T đứng tên khi án có hiệu lực pháp luật;

1.3. Bà Nguyễn Thị Phi Y được quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất BHK thuộc thửa đất 918, tờ bản đồ số BX-C3, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00147/Ấp 6. QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17 tháng 10 năm 1997 cho hộ ông Nguyễn Văn T nêu trên theo quy định của pháp luật;

1.4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Phi Y hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn T số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng bà Nguyễn Thị Phi Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/8/2022, bị đơn Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 136/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu Tòa án

cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của tôi. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T trình bày phần đất tranh chấp cụ T7 chỉ mua của cụ Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Y rút lại việc yêu cầu ông T trả lại một phần thửa 919. Bà Y chỉ yêu cầu ông T trả phần đất thửa 918 theo biên bản đo đạc thực tế ngày 10/01/2023 là 751,9m^2.

Luật sư Nguyễn Văn D bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T phát biểu quan điểm: Bà Y cho rằng thửa đất 918 là tài sản của cụ Đ tặng cho các chị em bà Y. Bà Y cho rằng thửa 545 là thửa 918. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất năm 2012 giữa ông Đ và bà Y không có thửa 545 hoặc thửa 918. Bà Y cho rằng thửa 545 tương ứng với thửa 918 nhưng không có chứng cứ chứng minh. Nếu thửa 545 là thửa 918 thì ông Đ cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Đ không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Đ không được tặng cho quyền sử dụng đất. Thời điểm năm 1960 thì không có giấy tờ. Bà Y không có giấy tờ chứng minh là đất của bà Y, bà Y không có tư cách khởi kiện. Đối với lời trình bày của các con bà X là không khách quan vì việc mua bán đất là không có giấy tờ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông T, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Y. Đối với việc bà Y rút yêu cầu khởi kiện đối với thửa 919 thì luật sư không có ý kiến. Tại phiên tòa ngày 15 tháng 3 năm 2023 Luật sư Nguyễn Văn D phát biểu quan điểm: Tòa án cấp phúc thẩm xác minh thêm là không cần thiết. Ông T cũng có xác nhận của những người ở địa phương. Bà Y lén đổ đất thì cần phải định giá phần đất bà Y đổ.

Luật sư Nguyễn Hữu T8 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Y phát biểu quan điểm: Nguồn gốc đất tranh chấp ông T trình bày mua của ông Đ 300m^2 không có chứng cứ gì để chứng minh. Tại phiên hòa giải ở cấp cơ sở ông T trình bày có mua thêm đất của bà X cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Tại phiên tòa hôm nay ông T trình bày mua đất của một mình ông Đ cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Sau đó ông T trình bày mua đất của ông Đ và bà X cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Lời khai của con bà X là ông C, ông B xác định gia đình ông không có bán đất cho ông T. Theo lời khai của ông Tạ Văn Đ1 thì phần đất tranh chấp là của ông Đ cho ông T7 ở nhờ. Việc ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng vì không có giấy mua bán và cũng không có đăng ký kê khai. Cha bà Y đã chết nên bà Y khởi kiện là có cơ sở vì các chị em bà Y thống nhất với ý kiến của bà Y. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Y xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với thửa 919. Đề nghị Hội đồng xét

xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Y, buộc ông T trả cho bà Y thửa 918. Tại phiên tòa ngày 15 tháng 3 năm 2023 Luật sư Nguyễn Hữu T8 phát biểu quan điểm: Chi phí đổ đất của bà Y là rất lớn, phải có thời gian để bà Y cung cấp chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của ông T: Tại phiên tòa phúc thẩm bà Y rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với thửa 919 đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần này. Đối với thửa 919 bà Y yêu cầu ông T trả là không có căn cứ vì ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997, ông Đ không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa ngày 15 tháng 3 năm 2023 đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: đề nghị tạm ngừng phiên tòa để bà Y cung cấp chứng cứ về việc đổ đất.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về xác định thẩm quyền và quan hệ tranh chấp "Quyền sử dụng đất" của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T trong thời hạn quy định nên được xem xét giải quyết theo quy định. Các đương sự Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Thị Lệ T1, Nguyễn Thị Thẩm Thúy H1, Nguyễn Hoàng Phi A, Nguyễn Thị Tuyết A1, Nguyễn Thị Băng Tuyết T2, Nguyễn Duy K, Ủy ban nhân dân thị xã G có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Nguyễn Thị Thi Thúy L2 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về nguồn gốc thửa đất 918, địa chỉ thửa đất ấp F, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Theo bà Y là của cụ Nguyễn Văn Đ (cha bà Y) cho cụ Phạm Văn T9 (là cha của ông Phạm Văn T10) ở nhờ trước năm 1975, sau đó ông T10 ở đến năm 1997 thì không ở nữa. Bà Y trình bày, bà nghĩ thửa đất 919 mà cụ Đ cho bà là có

luôn thửa 918 vì nó nằm liền kề nhau nhưng đến khi bà làm thủ tục cho em bà thì mới biết ông T10 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo bà Y thửa đất này theo Sổ mục kê ruộng đất ngày 15/6/1983 ông Đ đăng ký thửa đất tranh chấp là thửa 545.

Theo ông T10 thì trước năm 1975 cụ T9 mua của cụ Nguyễn Văn Đ phần đất khoảng 300m^2, sau đó mua thêm của cụ Nguyễn Thị X 488m^2, thành thửa 918. Cụ T9 cho ông T10 cất nhà ở, đến năm 1999 thì ông tháo nhà đi nơi khác sinh sống, năm 1997 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T10 xác định thửa đất 918 là của cụ T9 chỉ mua của cụ Đ.

Xét thấy, nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Đ, bà Y trình bày cụ Đ cho cụ T9 ở nhờ không có chứng cứ. Ông T10 trình bày cụ T9 mua của cụ Đ nhưng ông T10 cũng không có chứng cứ.

Về quá trình sử dụng đất: Bà Y và ông T10 trình bày thống nhất gia đình ông T10 cất nhà ở khoảng năm 1960. Từ năm 1975 đến năm 1997 thì ông T10 ở. Sau đó ông T10 đi thửa đất khác cùng ấp cất nhà ở. Đến khoảng năm 2017, 2018, 2019 thì bà Y đổ đất san lấp thành liếp như hiện nay.

Theo xác minh tại địa phương thì ngoài nền nhà ông T10 ở thì phần còn lại là đất vũng, có dừa nước, không ai canh tác.

Nhận thấy, thửa đất 918 đang tranh chấp theo bà Y là được cụ Đ kê khai năm 1983 là thửa 545 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ về vấn đề này. Tòa án cấp phúc thẩm có xác minh nhưng chưa rõ nên không thể khắc phục được.

Nếu thửa đất 545 tương ứng với thửa 918 thì thửa đất này cụ Đ (chết năm 2017) cũng chưa tặng cho bà Y nên việc bà Y đứng đơn khởi kiện một mình thì cũng không đúng vì đây còn là tài sản của cụ Đ.

Một phần đất tranh chấp trước đây là đất vũng, khoảng năm 2017 đến năm 2019 bà Y có đổ đất san lấp thành đất liếp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa định giá trị đất mà bà Y đã san lấp, ngoài ra cũng chưa định giá thực tế đối với thửa đất này nên chưa thể giải quyết dứt điểm vụ án nếu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Tòa sơ thẩm chưa xác minh ai là người nộp thuế đối với thửa đất tranh chấp.

Tòa sơ thẩm chưa làm rõ các vấn đề trên, có những vi phạm về thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên Hội đồng xét xử hủy án án sơ thẩm để giải quyết lại.

[4] Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và lời đề nghị của các Luật sư.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là không phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về án phí: Hoàn lại ông Nguyễn Văn T 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 3 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 136/2022/DSST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

2. H4 lại ông Phạm Văn T10 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0006926 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS thị xã Gò Công, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ái Đoan